

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 20 tháng 10 năm 2014



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Hùng

**TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN CHẤT - ĐÈO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

*(Phát hành thay thế Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán
ký ngày 10/03/2014)*

Thành phố Hồ Chí Minh - Tháng 10 năm 2014

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn - Chất Dẻo (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sơn - Chất dẻo là doanh nghiệp được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 3490/QĐ-TCCB ngày 28/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp v/v Cổ phần hoá Công ty Sơn - Chất dẻo thuộc Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam (Nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Công ty chính thức trở thành Công ty Cổ phần Sơn - Chất dẻo theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số và đăng ký thuế số 0300 401 362 (số cũ 4103005021) cấp lần đầu ngày 14/07/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 12 tháng 7 năm 2010, thay đổi lần thứ 3 ngày 23 tháng 8 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, với tên gọi đầy đủ là Công ty Cổ phần Sơn - Chất dẻo, tên giao dịch quốc tế là Paint and Plastic Joint Stock Company (PPC JSC).

Trụ sở chính của Công ty: số 63 đường Bến Bình Đông, phường 11, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là: 44.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và mua bán sơn chất dẻo, bao bì giấy và chất dẻo;
- Mua bán các loại vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị liên quan đến ngành sơn - chất dẻo;
- Mua bán nguyên liệu bao bì;
- In nhãn bao bì; Kinh doanh nhà ở;
- Cho thuê kho bãi, văn phòng (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt)/.

Các đơn vị trực thuộc

Tên	Trụ sở
Xí nghiệp chất dẻo 2	Lô H5 - H9, đường số 1 khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh
Xí nghiệp chất dẻo 3	Số 19/8 Thoại Ngọc Hầu, phường Hoà Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Sơn - Chất Dẻo được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông : Vũ Tiến Dũng

Ông: Phạm Thế Đồng

Ông: Luyện Văn Song

Chủ tịch HĐQT

Ủy viên HĐQT

Ủy viên HĐQT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông: Phạm Thế Đồng

Tổng Giám đốc

Ông: Luyện Văn Song

Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Nguyễn Minh Thiện

Trưởng ban

Bà: Đặng Hà Phương

Thành viên

Ông: Trần Thanh Phong

Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Tư vấn thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA-IAFC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho Công ty và bày tỏ nguyện vọng kiểm toán cho các năm tiếp theo.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

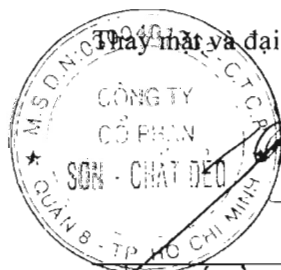
Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán; Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành; Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Thế Đồng
Tổng Giám đốc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2014

Số : 405/2014/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi:****Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sơn chất dẻo**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sơn chất dẻo, được lập ngày 08 tháng 10 năm 2014, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sơn chất dẻo tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

- Như đã trình bày tại thuyết minh số 16 "Trình bày lại số liệu thuyết minh của năm trước và năm nay" phần 2 Mục thuyết minh Báo cáo tài chính về Chế độ và chính sách kế toán áp dụng thì Báo cáo này được phát hành thay thế cho Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán ký ngày 10/03/2014.



Nguyễn Quốc Hùng
Giám đốc

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0295-2013-146-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA-IAFC

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2014

Đinh Thế Hùng
Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1917-2013-146-1

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.965.797.336	42.422.778.899
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	2.145.812.383	1.282.793.071
1. Tiền	111		2.145.812.383	1.282.793.071
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.720.026.665	29.217.546.027
1. Phải thu khách hàng	131		18.016.391.871	31.204.718.975
2. Trả trước cho người bán	132		225.650.742	30.443.000
3. Các khoản phải thu khác	135	4	85.600.000	-
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.607.615.948)	(2.017.615.948)
III- Hàng tồn kho	140	5	12.911.958.288	11.922.439.801
1. Hàng tồn kho	141		12.911.958.288	11.922.439.801
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		188.000.000	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		188.000.000	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		29.367.237.336	33.123.924.670
I- Tài sản cố định	220		29.367.237.336	32.629.954.415
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	19.814.570.688	22.809.475.199
- Nguyên giá	222		48.923.631.796	50.124.695.445
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.109.061.108)	(27.315.220.246)
2. Tài sản cố định vô hình	227	7	9.534.229.008	9.802.041.576
- Nguyên giá	228		11.917.659.415	11.917.659.415
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.383.430.407)	(2.115.617.839)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	18.437.640	18.437.640
II- Tài sản dài hạn khác	260		-	493.970.255
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	-	493.970.255
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		60.333.034.672	75.546.703.569

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		30.394.614.642	45.888.621.952
I- Nợ ngắn hạn	310		28.641.964.642	43.009.851.952
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	21.618.531.496	32.089.259.591
2. Phải trả người bán	312		752.866.875	598.853.847
3. Người mua trả tiền trước	313		2.329.705	45.589.901
4. Thuế và các khoản phải nộp NN	314	11	180.456.033	641.104.600
5. Phải trả người lao động	315		2.680.535.449	4.099.448.088
6. Chi phí phải trả	316	12	52.705.000	243.895.083
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn	319	13	3.149.415.391	5.197.542.147
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		205.124.693	94.158.695
II- Nợ dài hạn	330		1.752.650.000	2.878.770.000
1. Vay và nợ dài hạn	334	14	1.752.650.000	2.878.770.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.938.420.030	29.658.081.617
I- Vốn chủ sở hữu	410	15	29.938.420.030	29.658.081.617
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		27.177.034.522	27.177.034.522
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.156.054.661	1.033.288.663
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		281.481.447	220.098.448
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.323.849.400	1.227.659.984
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		60.333.034.672	75.546.703.569

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
1. Ngoại tệ các loại (USD)	005		860,53	773

Lý Mỹ Viên

Người lập biểu

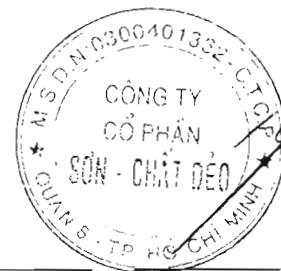
Tp Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2014

Lương Thị Minh Hương

Kế toán trưởng

Phạm Thế Đồng

Tổng Giám đốc



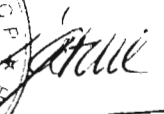
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

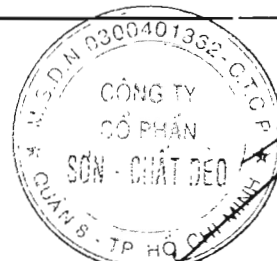
Mẫu B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	110.864.645.682	163.267.870.301
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	39.100.000	199.331.694
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18	110.825.545.682	163.068.538.607
4. Giá vốn hàng bán	11	19	100.938.277.559	146.086.036.074
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.887.268.123	16.982.502.533
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	44.577.484	50.013.488
7. Chi phí tài chính	22	21	1.077.919.046	5.788.049.344
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.088.847.515	5.749.183.191
8. Chi phí bán hàng	24		2.259.143.731	3.807.307.298
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.595.295.585	8.796.738.068
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(512.755)	(1.359.578.689)
11. Thu nhập khác	31		1.884.698.372	3.334.683.013
12. Chi phí khác	32		223.196.687	338.224.345
13. Lợi nhuận khác	40		1.661.501.685	2.996.458.668
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.660.988.930	1.636.879.979
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	422.173.483	409.219.995
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.238.815.447	1.227.659.984
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	488	483


Lý Mỹ Viên
Người lập biểu
Tp Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2014


Lương Thị Minh Hương
Kế toán trưởng


Phạm Thế Đồng
Tổng Giám đốc



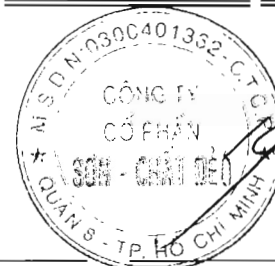
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.660.988.930	1.636.879.979
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	3.191.197.316	3.346.983.296
- Các khoản dự phòng	03	590.000.000	1.804.960.648
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(208.149.588)	(11.147.335)
- Chi phí lãi vay	06	1.088.847.515	5.749.183.191
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.322.884.173	12.526.859.779
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	12.907.519.362	6.939.761.889
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(989.518.487)	10.786.150.588
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.800.141.217)	(3.110.041.710)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	305.970.255	(73.173.848)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.088.847.515)	(5.749.183.191)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(519.191.481)	(152.191.650)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.703.855.032	629.737.235
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.511.524.590)	(1.239.176.596)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.331.005.532	20.558.742.496
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản	21	(102.065.221)	(290.376.373)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của	24		28.185.600
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	44.577.484	50.013.488
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(57.487.737)	(212.177.285)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	59.629.358.281	87.459.444.125
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(71.226.206.376)	(109.850.344.022)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(815.311.036)	(597.894.759)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.412.159.131)	(22.988.794.656)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	861.358.664	(2.642.229.445)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.282.793.071	3.925.022.516
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	1.660.648	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.145.812.383	1.282.793.071

Lưu

7/1/14



Lý Mỹ Viên

Người lập biểu

Tp Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2014

Lương Thị Minh Hương

Kế toán trưởng

Phạm Thế Đồng

Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 -DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sơn - Chất dẻo là doanh nghiệp được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 3490/QĐ-TCCB ngày 28/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp v/v Cổ phần hoá Công ty Sơn - Chất dẻo thuộc Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam (Nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Công ty chính thức trở thành Công ty Cổ phần Sơn - Chất dẻo theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số và đăng ký thuế số 0300 401 362 (số cũ 4103005021) cấp lần đầu ngày 14/07/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 12 tháng 7 năm 2010, thay đổi lần thứ 3 ngày 23 tháng 8 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, với tên gọi đầy đủ là Công ty Cổ phần Sơn - Chất dẻo, tên giao dịch quốc tế là Paint and Plastic Joint Stock Company (PPC JSC).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là: 44.000.000.000 đồng..

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và mua bán sơn chất dẻo, bao bì giấy và chất dẻo;
- Mua bán các loại vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị liên quan đến ngành sơn - chất dẻo;
- Mua bán nguyên liệu bao bì;
- In nhãn bao bì;
- Kinh doanh nhà ở;
- Cho thuê kho bãi, văn phòng (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt)/.

Các đơn vị trực thuộc

Tên	Trụ sở
Xí nghiệp chất dẻo 2	Lô H5 - H9, đường số 1 khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh
Xí nghiệp chất dẻo 3	Số 19/8 Thoại Ngọc Hầu, phường Hoà Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 -DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ.

Chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính “Quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp”. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật; đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 -DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

2.1. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm, trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng. Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 -DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết trong việc thanh toán trong thời gian tới).

Trong năm, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Nếu thực hiện trích lập ở mức thận trọng hơn nữa theo quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính thì chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi cuối năm 2013 cần trích lập thêm khoảng 794.090.303 đồng. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc thì các khoản công nợ trên Công ty đang tiếp tục các biện pháp thu hồi và nhận định vấn đề này sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính.

4. Phương pháp ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình:

Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Tài sản cố định	Thời gian sử dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	7 - 15 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại Lô H5 - H9, đường số 1 khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao đúng bằng thời gian đi thuê đất là 45 năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài phần lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần vốn chủ sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát tài sản và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như các hoạt động kinh doanh thông thường khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 -DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

6. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

7. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

7.1. Chi phí trả trước:

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Những khoản chi phí thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

7.2. Chi phí khác:

Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

7.3. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 -DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

8.1 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8.2 Trích Bảo hiểm thất nghiệp:

Bảo hiểm thất nghiệp được trích, nộp theo hướng dẫn tại Nghị định 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về Bảo hiểm thất nghiệp.

8.3 Các khoản phải trả, phải nộp khác

Như đã trình bày tại thuyết minh số 13 phần thuyết minh Báo cáo tài chính. Trong năm, đơn vị đang thực hiện ghi giảm chi phí tài chính với số tiền là 1.573.323.104 đồng, giảm chi phí sửa chữa lớn là 615.179.340 đồng từ nguồn hỗ trợ di dời năm tỷ đồng của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Số dư còn lại tại thời điểm 31/12/2013 là 2.811.497.556 đồng. Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc thì vấn đề này sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

10.1 Doanh thu bán hàng

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 -DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ : Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

10.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

13. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÀU B 09 -DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

14. Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các công ty cùng thuộc tập đoàn, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

15. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

16. Trình bày lại số liệu thuyết minh của năm trước và năm nay

Một số số liệu tương ứng trên thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được điều chỉnh và phân loại theo yêu cầu của chuẩn mực kế toán số 29 - Thay đổi ước tính kế toán, chính sách kế toán và các sai sót và chuẩn mực kiểm toán số 560 - Các sự kiện phát sinh sau ngày kỳ kế toán kết thúc. Chi tiết như sau:

Mục TM	Khoản mục	Thuyết minh	Nội dung trước trình bày	Nội dung trình bày lại	Nội dung sau trình bày
15.d	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành năm 2012 và năm 2013 (ĐVT: CP)	[1]			
	Cổ phiếu phổ thông		2.370.800	168.600	2.539.400
	Cổ phiếu ưu đãi		168.600	(168.600)	-

- [1] Công ty đã thực hiện trình bày lại số cổ phiếu phổ thông từ 2.370.800 cổ phiếu tăng 168.600 cổ phiếu thành 2.539.400 cổ phiếu phổ thông cho phù hợp với thực tế tại đơn vị là không có cổ phiếu ưu đãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 -DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Mục TM	Khoản mục	Thuyết minh	Nội dung trước trình bày	Nội dung trình bày lại	Nội dung sau trình bày
15.e	Cổ tức	[2]	Đại hội cổ đông thường niên ngày 27/03/2013 đã quyết định chia cổ tức năm 2011 là 2,2% trên vốn điều lệ	Đại hội cổ đông thường niên ngày 17/04/2013 đã quyết định chia cổ tức năm 2012 là 3% trên vốn điều lệ	Như TM số 15e

[2] Được trình bày lại cho đúng với thực tế phát sinh tại đơn vị.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

3. TIỀN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt	166.170.783	229.507.759
Tiền gửi ngân hàng	1.979.641.600	1.053.285.312
Cộng	2.145.812.383	1.282.793.071

4. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu tiền đặt cọc hợp đồng	10.000.000	
Thù lao HĐQT	75.600.000	-
Cộng	85.600.000	-

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.069.012.706	6.007.072.127
Công cụ, dụng cụ	127.206.433	126.508.715
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.561.546.798	3.692.527.461
Thành phẩm	2.154.192.351	2.096.331.498
Cộng giá gốc hàng tồn kho	12.911.958.288	11.922.439.801
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	12.911.958.288	11.922.439.801

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN - CHẤT ĐẸO

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

MÀU B 09 -DN

6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2013	15.517.587.723	31.332.778.301	2.716.532.346	557.797.075	50.124.695.445
<i>Tăng trong năm</i>	-	15.950.000	-	-	15.950.000
Mua trong năm		15.950.000			15.950.000
Giảm trong năm					
Thanh lý, nhượng bán	5.452.284	501.541.944	386.251.679	323.767.742	1.217.013.649
Giảm khác	5.452.284	501.541.944	386.251.679	323.767.742	386.251.679
Số dư tại 31/12/2013	15.512.135.439	30.847.186.357	2.330.280.667	234.029.333	48.923.631.796
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2013	7.508.066.465	17.644.458.337	1.734.539.741	428.155.703	27.315.220.246
<i>Tăng trong năm</i>	737.440.404	1.961.721.600	193.239.120	30.983.624	2.923.384.748
Khấu hao trong năm	737.440.404	1.961.721.600	193.239.120	30.983.624	2.923.384.748
Giảm trong năm					
Thanh lý, nhượng bán	5.452.284	469.310.503	386.251.679	268.529.420	1.129.543.886
Giảm khác	5.452.284	469.310.503	386.251.679	268.529.420	386.251.679
Số dư tại 31/12/2013	8.240.054.585	19.136.869.434	1.541.527.182	190.609.907	29.109.061.108
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2013	8.009.521.258	13.688.319.964	981.992.605	129.641.372	22.809.475.199
Tại 31/12/2013	7.272.080.854	11.710.316.923	788.753.485	43.419.426	19.814.570.688

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

7.064.279.614
14.613.257.193

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 -DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2013	11.917.659.415	11.917.659.415
Tăng trong năm	-	-
Mua trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2013	11.917.659.415	11.917.659.415
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2013	2.115.617.839	2.115.617.839
Tăng trong năm		267.812.568
Khấu hao trong năm	267.812.568	267.812.568
Số dư tại 31/12/2013	2.115.617.839	2.383.430.407
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2013	9.802.041.576	9.802.041.576
Tại 31/12/2013	9.802.041.576	9.534.229.008

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2013	01/01/2013
Nội dung	VND	VND
Phần mềm kế toán	18.437.640	18.437.640
Cộng	18.437.640	18.437.640

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
Chi tiết theo đối tượng	VND	VND
Chi phí CCDC đã xuất dùng		364.232.977
Chi phí sửa chữa lớn		129.737.278
Cộng	-	493.970.255

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 -DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)		
Công ty tài chính CP HCVN (a)	11.942.421.860	10.837.263.222
NHg NN và PTNN Chi nhánh Tp HCM	2.922.989.636	14.538.876.369
Vay cá nhân (b)	5.627.000.000	5.587.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.126.120.000	1.126.120.000
Cộng	21.618.531.496	32.089.259.591

a. Khoản vay của Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam (“VCFC”) bằng tiền Đồng Việt Nam để bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay từ 6 tháng, lãi suất vay thả nổi và điều chỉnh theo quy định và thông báo của VCFC. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

b. Khoản vay các tổ chức và cá nhân để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cho vay từ 01 - 12 tháng, lãi suất vay thả nổi và điều chỉnh theo quy định của ngân hàng từng thời điểm. Cho vay không có tài sản đảm bảo

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	172.180.457	202.694.447
Thuế thu nhập doanh nghiệp	92.873.105	189.891.103
Thuế thu nhập cá nhân	(84.597.529)	111.090.050
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	137.429.000
Cộng	180.456.033	641.104.600

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí phải trả khác	52.705.000	243.895.083
Trích trước chi phí kiểm toán	40.000.000	40.000.000
Trích trước chi phí hoa hồng		203.895.083
Khác	12.705.000	-
Cộng	52.705.000	243.895.083

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 -DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	27.697.579	107.599.104
Bảo hiểm xã hội	(40.099.217)	7.963.734
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	350.000.000	36.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.811.817.029	5.045.979.309
Tiền hỗ trợ di dời chờ quyết toán (*)	2.811.497.556	5.000.000.000
0.5% thuế TNDN để lại	319.473	
Khác	-	45.979.309
Cộng	3.149.415.391	5.197.542.147

(*) Khoản tiền hỗ trợ di dời của UBND thành phố Hồ Chí Minh phát sinh năm 2010.

14. VAY VÀ NỢ VAY DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngân hàng		
Công ty tài chính CP HCVN	1.752.650.000	2.878.770.000
Cộng	1.752.650.000	2.878.770.000

Số dư cuối kỳ là khoản vay của Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam ("VCFC") bằng tiền Đồng Việt Nam để mua sắm máy định hình, 2 máy dệt thoi khổ nhỏ và 8 máy dệt thoi khổ lớn. Lãi suất thả nổi, điều chỉnh cụ thể theo quy định và thông báo của VCFC. Thời hạn vay là 60 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

MÃU B 09 - DN

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân bổ	Cộng
Số dư tại 01/01/2012	27.177.034.522	(41.784.226)	939.199.082	173.053.658	940.895.808	29.188.398.844
Tăng trong năm	-	-	94.089.581	47.044.790	1.227.659.984	1.368.794.355
Phân phối lợi nhuận năm trước			94.089.581	47.044.790		141.134.371
Lãi năm trước					1.227.659.984	1.227.659.984
Giảm nguồn vốn	-	(41.784.226)	-	-	940.895.808	899.111.582
Trả cổ tức						-
Phân phối lợi nhuận năm					940.895.808	940.895.808
Giảm khác		(41.784.226)				(41.784.226)
Số dư tại 31/12/2012	27.177.034.522	-	1.033.288.663	220.098.448	1.227.659.984	29.658.081.617
Số dư tại 01/01/2013	27.177.034.522	-	1.033.288.663	220.098.448	1.227.659.984	29.658.081.617
Tăng trong năm	-	-	122.765.998	61.382.999	1.238.815.447	1.422.964.444
Phân phối lợi nhuận năm nay			122.765.998	61.382.999		184.148.997
Lãi năm nay					1.238.815.447	1.238.815.447
Giảm trong năm	-	-	-	-	1.142.626.031	1.142.626.031
Cổ tức phải trả					815.311.036	815.311.036
Trích quỹ dự phòng tài chính					61.382.999	61.382.999
Trích Quỹ đầu tư phát triển					122.765.998	122.765.998
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi					122.765.998	122.765.998
Khác					20.400.000	20.400.000
Số dư tại 31/12/2013	27.177.034.522	-	1.156.054.661	281.481.447	1.323.849.400	29.938.420.030

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 -DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu.

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vốn góp của Nhà nước	25.443.034.522	25.443.034.522
Vốn góp của đối tượng khác	1.734.000.000	1.734.000.000
Cộng	27.177.034.522	27.177.034.522

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu.

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	27.177.034.522	27.177.034.522
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	27.177.034.522	27.177.034.522
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	815.311.036	597.894.759

d. Cổ phiếu

	31/12/2013 Cổ phiếu	01/01/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.539.400	2.539.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.539.400	2.539.400
Cổ phiếu phổ thông	2.539.400	2.539.400
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.539.400	2.539.400
Cổ phiếu phổ thông	2.539.400	2.539.400
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</i>	10.000	10.000

e. Cổ tức

Đại hội cổ đông thường niên ngày 17/04/2013 đã quyết định chia cổ tức của năm 2012 là 3% trên vốn điều lệ. Công ty đã chi trả hết trong năm 2013 bằng tiền mặt và chuyển khoản. Năm 2013 Công ty chưa có tạm ứng cổ tức.

f. Các quỹ của doanh nghiệp.

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Các quỹ của doanh nghiệp:		
Quỹ đầu tư phát triển	1.156.054.661	1.033.288.663
Quỹ dự phòng tài chính	281.481.447	220.098.448

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 -DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH:

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng	110.864.645.682	163.267.870.301
Cộng	110.864.645.682	163.267.870.301

17. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giảm giá hàng bán	39.100.000	-
Hàng bán bị trả lại	-	199.331.694
Cộng	39.100.000	199.331.694

18. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu thuần	110.825.545.682	163.068.538.607
Cộng	110.825.545.682	163.068.538.607

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn của hàng đã bán	8.760.058.721	16.833.623.991
Giá vốn của thành phẩm đã bán	92.178.218.838	129.252.412.083
Cộng	100.938.277.559	146.086.036.074

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	44.577.484	50.013.488
Cộng	44.577.484	50.013.488

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 -DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.088.847.515	5.749.183.191
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	238.965.400
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	(10.928.469)	(13.042.447)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	(187.056.800)
Cộng	1.077.919.046	5.788.049.344

22. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	422.173.483	409.219.995
Cộng	422.173.483	409.219.995

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.660.988.930	1.636.879.979
+ Các khoản điều chỉnh tăng	27.705.000	-
Các khoản chi không được trừ	27.705.000	-
Tổng thu nhập chịu thuế	1.688.693.930	1.636.879.979
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	422.173.483	409.219.995
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	422.173.483	409.219.995

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2013	Năm 2012
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	1.238.815.447	1.227.659.984
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.238.815.447	1.227.659.984
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.539.400	2.539.400
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	488	483

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 -DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	85.573.116.845	109.249.997.212
Chi phí nhân công	10.000.395.946	12.781.500.901
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.191.197.316	3.346.983.296
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.163.471.571	8.915.148.929
Chi phí khác bằng tiền	5.165.650.930	30.522.724.791
Cộng	111.093.832.608	164.816.355.129

25. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

25.1 Công cụ tài chính.

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Tài sản tài chính</i>	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.145.812.383		1.282.793.071	
Phải thu khách hàng	18.016.391.871	(2.607.615.948)	31.204.718.975	(2.017.615.948)
Các khoản phải thu khác	85.600.000		-	
Cộng	20.247.804.254	(2.607.615.948)	32.487.512.046	(2.017.615.948)
	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	VND		VND	
<i>Nợ phải trả tài chính</i>				
Vay và nợ	23.371.181.496		34.968.029.591	
Phải trả người bán	752.866.875		598.853.847	
Chi phí phải trả	52.705.000		243.895.083	
Các khoản phải trả khác	3.149.415.391		5.197.542.147	
Cộng	27.326.168.762		41.008.320.668	

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, không bao gồm các khoản trích lập dự phòng phải thu.

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 -DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch vay và nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất của thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc một đối tác không đáp ứng được nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tính hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2013	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	21.618.531.496	1.752.650.000		23.371.181.496
Phải trả người bán	752.866.875			752.866.875
Chi phí phải trả	52.705.000			52.705.000
Các khoản phải trả khác	3.149.415.391			3.149.415.391
Cộng	25.573.518.762	1.752.650.000	-	27.326.168.762
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	32.089.259.591	2.878.770.000		34.968.029.591
Phải trả người bán	598.853.847			598.853.847
Chi phí phải trả	243.895.083			243.895.083
Các khoản phải trả khác	5.197.542.147			5.197.542.147
Cộng	38.129.550.668	2.878.770.000	-	41.008.320.668

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 -DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

25.2 Giao dịch với các bên liên quan và số dư với các bên liên quan.

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan và số dư với các bên liên quan trọng yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Năm 2013
Công ty tài chính Cổ phần HC VN	Cùng Tập đoàn	Vay ngắn hạn	59.629.358.281

Số dư cuối năm khoản công nợ với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty tài chính Cổ phần HC VN	Cùng Tập đoàn	Vay ngắn hạn	(14.821.191.860)	(14.842.153.222)

Ghi chú: Số () là giá trị phản ánh số phải trả

25.3 Những khoản nợ tiềm tàng

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

25.4 Thông tin hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình

25.5 Thông tin về báo cáo theo bộ phận.

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Do đặc điểm hoạt động của Công ty chỉ có hoạt động sản xuất Bao bì các loại theo đó không có sự khác biệt đáng kể về lĩnh vực kinh doanh, đồng thời Công ty hoạt động tại một bộ phận địa lý chính là thành phố Hồ Chí Minh nên không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế của các bộ phận theo khu vực địa lý. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 -DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

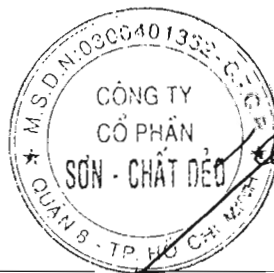
25.6 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán & Kiểm toán AVINA-IAFC.

Lý Mỹ Viên
Người lập biểu

Tp Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2014

Lương Thị Minh Hương
Kế toán trưởng



Phạm Thế Đồng
Tổng Giám đốc